



Bản tin

Nông nghiệp và Môi trường

Số 02/2026

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI



- **NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG PHÁT HUY VAI TRÒ TRỤ ĐỖ, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
- **CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG NHẪM NÂNG CAO GIÁ TRỊ KINH TẾ, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**
- **ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN VÀ ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH - ĐỘNG LỰC CHO NGÀNH TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Nông nghiệp và Môi trường QUẢNG NGÃI

Số 02/2026



Chịu trách nhiệm xuất bản:
Trưởng Ban Biên tập
Phó Giám đốc Sở NN và MT
NGUYỄN QUANG TRUNG

Phó Ban Biên tập:
ỪNG VĂN THANH
Giám đốc Trung tâm
Khuyến nông Quảng Ngãi
NGUYỄN VĂN HÙNG
Phó Chánh Văn phòng Sở

Tổ Thư ký
NGÔ MẠNH HÙNG
NGÔ HỮU VỸ
NGUYỄN TRUNG HIẾU

Bìa 1:

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hồ Văn Niên chủ trì buổi làm việc giữa Thường trực Tỉnh ủy với Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng thời gian qua; định hướng phát triển thời gian tới.

Địa chỉ liên lạc Ban biên tập:
182 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
ĐT/FAX: 0255.3822.704 - 3737.156
Email: bientapkn@gmail.com

Trong số này

- ◆ Ngành nông nghiệp và môi trường phát huy vai trò trụ đỡ, tạo động lực phát triển bền vững. 1
- ◆ Chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm nâng cao giá trị kinh tế, thích ứng biến đổi khí hậu. 3
- ◆ Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa thủ tục hành chính - động lực cho ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật. 4
- ◆ Chuyển đổi số ở khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh: Khi công nghệ trở thành "cánh tay nối dài" giữ màu xanh đại ngàn. 6
- ◆ Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong công tác tuyên truyền quản lý bảo vệ rừng. 8
- ◆ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước - đòn bẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp Quảng Ngãi trong tình hình mới. 10
- ◆ Ứng dụng hệ thống thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam (VAHIS) trong công tác quản lý, giám sát và báo cáo dịch bệnh. 12
- ◆ Khuyến nông chủ động đưa mô hình canh tác cà phê thông minh đến nông dân. 13
- ◆ Thực trạng và giải pháp phát triển ngành nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. 15
- ◆ HTX nông nghiệp Đức Phong - "Hạt nhân" của chuỗi giá trị bền vững. 17
- ◆ Hoạt động điều tra đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh. 18
- ◆ Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham. 20
- ◆ Rừng đặc dụng Đăk Uy - "Viên Ngọc Xanh" Phía Tây Quảng Ngãi. 22
- ◆ Đẩy mạnh thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng. 23
- ◆ Lan tỏa thông điệp nước sạch vì nông thôn xanh - sạch - bền vững. 25
- ◆ Sản phẩm OCOP 3 sao của cặp "vàng trắng khuyết". 27

NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG PHÁT HUY VAI TRÒ TRỤ ĐỖ, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

✍ Nguyễn Văn Hùng
Văn phòng Sở

Sáng 5/5/2026, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hồ Văn Niên chủ trì buổi làm việc giữa Thường trực Tỉnh ủy với Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và định hướng phát triển trong thời gian tới.

Tham dự buổi làm việc có Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Hoàng Giang; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh Đinh Thị Hồng Minh; các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo UBND tỉnh cùng đại diện các sở, ban, ngành.

Sau sáp nhập, Đảng bộ Sở NN&MT có 509 đảng viên, sinh hoạt tại 21 chi bộ trực thuộc; toàn ngành có khoảng 1.885 công chức, viên chức và người lao động. Đảng ủy Sở đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức bộ máy, ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên, bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước được triển khai liên tục, hiệu quả.



Các đại biểu tham gia góp ý nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của ngành Nông nghiệp và Môi trường

Trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, ngành NN&MT tiếp tục duy trì vai trò là một trong những lĩnh vực quan trọng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Năm 2025, GRDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khoảng 15,4 nghìn tỷ đồng; tổng giá trị sản xuất đạt trên 31,2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 5,2%.

Quý I/2026, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt gần 5 nghìn tỷ đồng, tăng gần 3%, đóng góp khoảng 0,4 điểm phần trăm vào

tăng trưởng chung của tỉnh. Chương trình OCOP tiếp tục được triển khai hiệu quả với 642 sản phẩm còn hiệu lực; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn khoảng 2,5%.

Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực. Từ tháng 7/2025 đến cuối tháng 4/2026, Sở NN&MT đã tiếp nhận gần 169 nghìn hồ sơ, trong đó có trên 106 nghìn hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt gần 98,7%. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi

trường được tăng cường, góp phần tháo gỡ khó khăn, tạo nguồn lực phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh.

Tại buổi làm việc, các đại biểu tập trung trao đổi, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, phát triển vùng nguyên liệu, giảm nghèo và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Phát biểu kết luận, Bí thư Tỉnh ủy Hồ Văn Niên ghi nhận, đánh giá cao tinh thần chủ động, nỗ lực của Đảng ủy Sở NN&MT trong việc nhanh chóng ổn định tổ chức sau sáp nhập, giữ vững đoàn kết, thống nhất, triển khai đồng bộ nhiệm vụ được giao.

Bí thư Tỉnh ủy nhấn mạnh, trong bối cảnh khối lượng công việc lớn, yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao, Đảng ủy Sở đã phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo, kịp thời ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên, bảo đảm hoạt động chuyên môn không bị gián đoạn. Đây là nền tảng quan trọng để ngành tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý, đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Bí thư Tỉnh ủy cũng chỉ ra một số tồn tại cần tập trung khắc phục như:

quản lý đất đai còn hạn chế; việc xử lý một số dự án tồn đọng, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm; ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu; công tác quản lý khoáng sản còn bất cập.

Trong thời gian tới, Bí thư Tỉnh ủy yêu cầu Đảng ủy, lãnh đạo Sở NN&MT tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả phối hợp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được giao.

Trong công tác xây dựng Đảng, cần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; đồng thời xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, bố trí cán bộ phù hợp, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

Đối với nhiệm vụ chuyên môn, ngành cần tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, lâm nghiệp, thủy sản và môi trường; đẩy nhanh xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, nâng

cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xử lý dứt điểm các dự án chậm tiến độ, sử dụng đất kém hiệu quả.

Cùng với đó, tăng cường quản lý khai thác khoáng sản, nhất là cát, sỏi lòng sông; kiểm soát ô nhiễm môi trường; thu hút đầu tư hạ tầng xử lý chất thải theo hướng hiện đại; tiếp tục triển khai các giải pháp chống khai thác IUU, quyết tâm gỡ “thẻ vàng” trong năm 2026.

Bí thư Tỉnh ủy yêu cầu ngành NN&MT chủ động tham mưu triển khai hiệu quả các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu, lâm nghiệp bền vững và kinh tế biển; gắn phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với giảm nghèo bền vững, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Với vai trò là ngành kinh tế quan trọng, có tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân và sự phát triển bền vững của tỉnh, ngành NN&MT cần tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao năng lực quản lý, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số và các nhiệm vụ phát triển giai đoạn 2026 - 2030.

CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG NHẪM NÂNG CAO GIÁ TRỊ KINH TẾ, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

✍ Nguyễn Văn Thảo

Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng

Tong những năm gần đây, biến đổi khí hậu đã và đang tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Tình trạng nắng nóng kéo dài, hạn hán, mưa lớn bất thường, sâu bệnh phát sinh ngày càng nhiều đã ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, sản lượng, chất lượng cây trồng và đời sống của người nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và trên địa bàn cả nước nói chung. Trước thực tế đó, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, được xem là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao giá trị kinh tế, đồng thời giúp ngành nông nghiệp thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

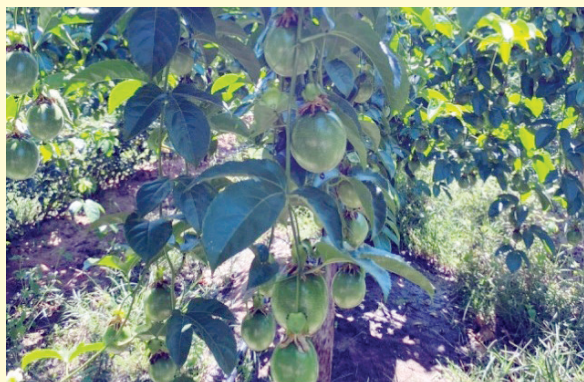
Chuyển đổi cơ cấu cây trồng là quá trình thay đổi các loại cây trồng truyền thống có hiệu quả kinh tế thấp sang các loại cây phù hợp hơn với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng

và nhu cầu thị trường. Đây không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là yêu cầu cấp thiết trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững hiện nay. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều địa phương đã chủ động đưa các loại cây trồng phù hợp vào sản xuất trên các chân đất trước đây sản xuất các loại cây trồng truyền thống kém hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp và tăng thu nhập cho người dân.

Trên đất trồng lúa kém hiệu quả, thường xuyên thiếu nước: Trong năm 2025, toàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi 495,81 ha đất trồng lúa sang trồng các loại cây hàng năm. Các loại cây được lựa chọn chuyển đổi khá đa dạng, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng

và nhu cầu thị trường như cây lạc; rau các loại; ngô; đậu các loại....., trong đó có 282,78 ha đất chuyên trồng lúa thường xuyên thiếu nước và 213,03 ha đất trồng lúa 01 vụ. Kết quả thực tế cho thấy, phần lớn diện tích chuyển đổi đều mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất lúa. Đặc biệt, các loại rau màu cho mức thu nhập tăng từ 20 đến trên 30 triệu đồng/ha so với trồng lúa truyền thống. Trong năm 2026, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích 738,72 ha đất trồng lúa, trong đó có 324,17 ha đất chuyên trồng lúa, 235,75 ha đất trồng lúa 01 vụ và 178,8 ha đất lúa nương sang trồng các loại cây trồng khác phù hợp với điều kiện thời tiết của từng địa phương.

Trên các chân đất sản xuất kém hiệu quả khác, việc xen



Mô hình chuyển đổi từ đất trồng sắn sang trồng chanh dây tại xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi



Mô hình cà phê đa thân thả ngọn và xen canh cây Sầu riêng tại xã Ngọc Tú, tỉnh Quảng Ngãi

canh các loại cây trồng để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập đã và đang được các địa phương và người dân quan tâm thực hiện như: Chuyển đổi từ đất trồng sắn sang trồng chanh dây; vườn cây cà phê thời kỳ kiến thiết cơ bản trồng xen cây chanh dây; vườn cây cà phê đa thân thả ngọn xen canh với cây sầu riêng đã mang lại hiệu quả khá cao.

Bên cạnh hiệu quả kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn góp phần quan trọng trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu. Những loại cây có khả năng chịu hạn, chịu sâu bệnh tốt hoặc ít sử dụng nước đang được khuyến khích phát triển tại nhiều địa phương. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra, hạn chế tình trạng mất mùa và bảo vệ môi trường sinh thái. Đặc biệt, trong quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, việc áp dụng các phương pháp canh tác hữu cơ, nông nghiệp xanh và tuần hoàn vào sản xuất còn góp phần giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới nền nông nghiệp phát triển bền vững.

Tuy nhiên, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vẫn còn gặp không ít khó khăn. Một số nông dân còn tâm lý e ngại thay đổi tập quán sản xuất truyền thống, thiếu vốn đầu tư, thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật và

chưa có đầu ra ổn định cho sản phẩm. Bên cạnh đó, việc xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu tập trung ở một số nơi còn thiếu đồng bộ, dẫn đến tình trạng sản xuất tự phát, cung vượt cầu hoặc hiệu quả chưa cao,...Do vậy, bà con cần mạnh dạn thay đổi tư duy sản xuất, tích cực học hỏi kinh nghiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật và lựa chọn các loại cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng không chỉ giúp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống gia đình mà còn góp phần bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất và nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Để việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng đạt hiệu quả bền vững, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa 4 nhà “Nhà nước – Khoa học - Doanh nghiệp - Người dân”. Thời gian đến, ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ kỹ thuật, xây dựng các mô hình liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm đồng thời với việc tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, lựa chọn giống cây trồng phù hợp với điều kiện từng vùng miền và nhu cầu của thị trường, đảm bảo nâng cao giá trị sản xuất gắn với thích ứng biến đổi khí hậu.

ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN VÀ ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH - ĐỘNG LỰC CHO NGÀNH TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

 **Võ Diệu Hiền**

Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng

Ngành Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đang triển khai một đợt cải cách quan trọng nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, tinh gọn thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy tính chủ động của địa phương. Nhiều văn bản pháp luật mới đã được ban hành và đi vào thực tiễn như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (ngày 11/12/2025); Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026; Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026; Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026; cùng các Nghị quyết số 17/NQ-CP và số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ.

Những quy định mới không chỉ điều chỉnh thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính mà còn thể hiện sự chuyển đổi trong tư duy quản lý, từ mô hình quản lý tập trung sang phục vụ, kiến tạo phát triển. Cải cách tập trung vào ba nội dung chính: tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương; cắt giảm điều kiện kinh

doanh; và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

Theo đó, thẩm quyền cấp, cấp lại 25 loại giấy phép, giấy chứng nhận thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được chuyển từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Một số thủ tục đáng chú ý gồm: cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất phân bón; cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, phân bón; công nhận tổ chức khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống cây trồng; cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói... Việc phân cấp này giúp địa phương chủ động hơn trong quản lý, đồng thời rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cho người dân và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, nhiều thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh đã được bãi bỏ hoặc đơn giản hóa nhằm giảm chồng chéo, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Điển hình như bãi bỏ thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật; giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón...

Một số loại giấy tờ liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng được kéo dài thời hạn hiệu lực. Cụ thể, Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam được nâng thời hạn từ 5 năm lên 10 năm và được gia hạn; giấy chứng nhận đăng ký



Người dân chờ giải quyết hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

thuốc bảo vệ thực vật cũng được kéo dài từ 5 năm lên 10 năm và được gia hạn.

Đáng chú ý, nhiều điều kiện kinh doanh và điều kiện hoạt động đã được bãi bỏ, như điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật; điều kiện buôn bán phân bón, giống cây trồng; điều kiện công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng; điều kiện tự công bố lưu hành giống cây trồng.

Các quy định mới cũng thể hiện rõ cơ chế tự công bố, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp và tổ chức. Nhiều sản phẩm vật tư nông nghiệp, phân bón, giống cây trồng được chuyển từ cơ chế đăng ký sang tự công bố thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cơ quan quản lý nhà nước tập trung xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn và thực hiện hậu kiểm trên cơ sở quản lý rủi ro.

Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật không chỉ là cắt giảm thủ tục mà còn là sự đổi mới về tư duy quản lý. Khi được trao thêm quyền, địa phương cũng phải nâng cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Phương châm đặt ra là “phân cấp mạnh gắn với trách nhiệm cao, cắt giảm thủ tục nhưng không buông lỏng quản lý”.

Đề đáp ứng yêu cầu đó, đội ngũ cán bộ chuyên môn tại địa phương cần tiếp tục nâng cao năng lực, làm chủ công nghệ, đổi mới phương pháp làm việc, bám sát thực tiễn và thực hiện công vụ trên cơ sở thượng tôn pháp luật, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật trong giai đoạn mới.

CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NGỌC LINH: Khi công nghệ trở thành “cánh tay nối dài” giữ màu xanh đại ngàn

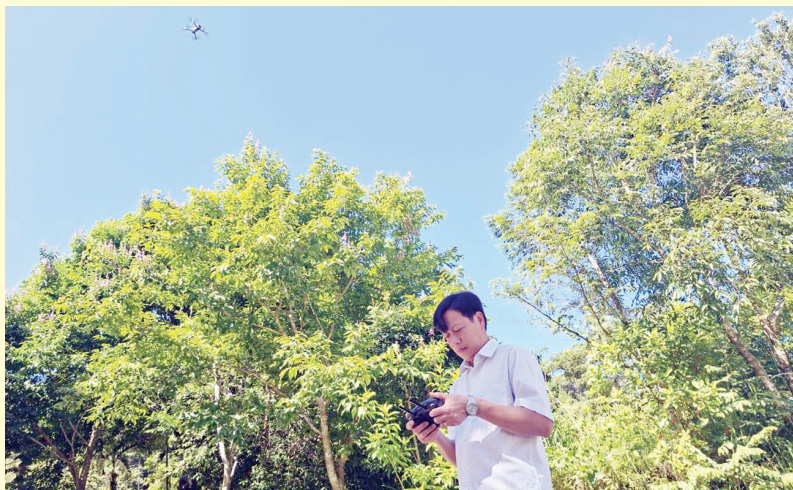
✍ Lê Hữu Tuấn

Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh

Tong xu thế chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực, công tác quản lý, bảo vệ rừng tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh cũng từng bước được hiện đại hóa bằng việc ứng dụng các nền tảng công nghệ tiên tiến. Từ thiết bị bay không người lái (UAV), phần mềm định vị Locus Map đến hệ thống quản lý tuần tra SMART, công nghệ đang trở thành “cánh tay nối dài” hỗ trợ lực lượng bảo vệ rừng nâng cao hiệu quả quản lý hơn 37.546,363 ha rừng và đất lâm nghiệp được giao, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển lâm nghiệp bền vững.

Hiện đại hóa công tác giám sát tài nguyên rừng

Nằm ở vùng núi cao phía bắc tỉnh Quảng Ngãi, Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh có địa hình phức tạp, độ dốc lớn, nhiều khu vực rừng sâu, hiểm trở. Điều này khiến công tác tuần tra, kiểm tra rừng theo phương thức truyền thống gặp không ít khó khăn, đòi hỏi nhiều thời gian, nhân lực và chi phí. Trước yêu cầu ngày càng cao trong công tác



Sử dụng thiết bị bay UAV trong giám sát diễn biến tài nguyên rừng

quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh đã từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào hoạt động chuyên môn. Trong đó, việc đầu tư và đưa vào sử dụng thiết bị bay không người lái (UAV) được xem là bước đột phá quan trọng trong nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng.

Từ năm 2021, đơn vị đã triển khai trang bị UAV, đồng thời tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật vận hành cho đội ngũ cán bộ chuyên môn. Thông qua các chuyến bay định kỳ hằng tháng, hằng quý hoặc đột xuất, lực lượng bảo vệ

rừng có thể theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng một cách trực quan, nhanh chóng và chính xác hơn. Việc ứng dụng UAV không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả giám sát tài nguyên rừng mà còn giúp giảm áp lực về nhân lực, tiết kiệm thời gian và nâng cao tính chính xác trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

“Số hóa” hoạt động tuần tra bảo vệ rừng

Cùng với việc ứng dụng UAV trong giám sát từ trên cao, lực lượng tuần tra dưới mặt đất cũng đang được hỗ trợ hiệu quả nhờ các ứng dụng công nghệ.

Trước đây, mỗi chuyến tuần tra, cán bộ bảo vệ rừng

thường phải mang theo bản đồ giấy, thiết bị định vị GPS cầm tay và nhiều dụng cụ hỗ trợ khác. Trong điều kiện rừng sâu, thời tiết bất lợi, việc xác định vị trí ngoài thực địa mất khá nhiều thời gian và tiềm ẩn sai số. Để khắc phục hạn chế này, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh đã triển khai ứng dụng phần mềm Locus Map trên điện thoại thông minh cho lực lượng bảo vệ rừng.

Với khả năng hoạt động ổn định trên nền tảng Android, Locus Map cho phép định vị chính xác ngay cả tại khu vực không có sóng điện thoại. Phần mềm còn hỗ trợ lưu lại toàn bộ hành trình tuần tra (tracklog), giúp theo dõi và quản lý quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ một cách thuận tiện. Đặc biệt, bản đồ hiện trạng rừng được tích hợp trực tiếp trên ứng dụng giúp người tuần tra xác định nhanh vị trí lô, khoảnh ngoài thực địa. Trong quá trình làm nhiệm vụ, cán bộ có thể chụp ảnh hiện trường, gắn tọa độ trực tiếp trên tuyến tuần tra, tạo thành dữ liệu minh chứng trực quan và có tính xác thực cao.

Thông qua ứng dụng này, công tác quản lý địa bàn, kiểm tra hiện trạng rừng và hướng dẫn người dân không xâm lấn rừng trong quá trình sản xuất nương rẫy được thực



Sử dụng công cụ SMART, ứng dụng Locus Map trong công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

hiện hiệu quả hơn. Đồng thời, việc báo cáo thông tin hiện trường về lãnh đạo đơn vị cũng nhanh chóng, chính xác và kịp thời hơn trước.

SMART – Công cụ quản lý tuần tra khoa học và minh bạch

Một trong những nền tảng quan trọng trong quá trình chuyển đổi số tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh là hệ thống SMART (Spatial Monitoring and Reporting Tool).

Đây là công cụ quản lý, giám sát tuần tra được phát triển với sự hỗ trợ của nhiều tổ chức bảo tồn quốc tế như FFI, WWF, GIZ... Từ năm 2020 đến nay, SMART đã trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực trong quản lý dữ liệu tuần tra và giám sát đa dạng sinh học tại đơn vị.

Thông qua ứng dụng SMART Mobile trên điện thoại thông minh, dữ liệu

thực địa được thu thập theo các biểu mẫu thống nhất, bảo đảm tính khoa học và đồng bộ. Sau mỗi đợt tuần tra, dữ liệu được tổng hợp và chuyển về bộ phận chuyên môn để lưu trữ, phân tích và xây dựng báo cáo.

Điểm nổi bật của SMART là khả năng tự động hóa báo cáo theo tháng, quý hoặc theo từng chuyên đề cụ thể. Nhờ đó, lãnh đạo đơn vị có thể theo dõi mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng tổ, trạm và cán bộ phụ trách địa bàn một cách khách quan, minh bạch. Việc số hóa quy trình quản lý tuần tra không chỉ giúp giảm đáng kể các thủ tục giấy tờ mà còn nâng cao tính liên thông dữ liệu, giúp thông tin từ hiện trường được cập nhật nhanh chóng và xuyên suốt.

Thông qua hệ thống SMART, công tác quản lý bảo vệ rừng từng bước chuyển từ phương thức thủ công sang quản trị số, tạo nền tảng cho

việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý tài nguyên rừng và bảo tồn đa dạng sinh học trong tương lai.

Hướng tới nền quản trị lâm nghiệp hiện đại, bền vững

Những kết quả bước đầu trong quá trình chuyển đổi số tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh cho thấy việc ứng dụng công nghệ vào quản lý bảo vệ rừng là xu hướng tất yếu trong giai đoạn hiện nay. Việc kết hợp đồng bộ giữa UAV, Locus Map và SMART đã tạo nên hệ thống hỗ trợ quản lý hiện đại, góp phần nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng, tăng hiệu quả tuần tra, kiểm tra và từng bước hiện đại hóa công tác quản lý lâm nghiệp.

Dù vẫn còn những khó khăn về hạ tầng công nghệ, điều kiện kết nối mạng tại vùng sâu, vùng xa cũng như yêu cầu ngày càng cao về năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, song những kết quả đạt được là cơ sở quan trọng để Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong thời gian tới. Trong hành trình giữ gìn màu xanh đại ngàn Ngọc Linh, công nghệ đang thực sự trở thành “cánh tay nối dài” của những người làm nghề giữ rừng./.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong công tác tuyên truyền quản lý bảo vệ rừng

✍ Nguyễn Thị Huệ

Ban Quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy

Tong bối cảnh chuyển đổi số đang được triển khai mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, Ban Quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy đã chủ động ứng dụng công nghệ số vào công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR). Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ rừng.

Ban Quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy được giao quản lý hơn 14,7 nghìn ha rừng, chủ yếu là rừng phòng hộ. Diện tích quản lý rộng, địa bàn phức tạp, nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa, trong khi lực lượng bảo vệ rừng còn mỏng, đặt ra nhiều khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Để thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ lâm nghiệp năm 2026, đơn vị đã tập trung triển khai đồng bộ các phương án, kế hoạch đã được phê duyệt; tăng cường thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, PCCCR trên lâm phần được giao quản lý.

Song song với đó, đơn vị

chủ động phối hợp với UBND các xã, lực lượng kiểm lâm khu vực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Nội dung tuyên truyền tập trung vào Luật Lâm nghiệp, các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng, PCCCR; quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân khi tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

Xác định công tác tuyên truyền giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao ý thức của người dân và cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng, hằng tháng viên chức và người lao động thường xuyên “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, trực tiếp vận động người dân và các cộng đồng nhận khoán cùng chung tay xây dựng “hàng rào cộng đồng” trong bảo vệ rừng.

Qua thực tiễn triển khai, đơn vị nhận thấy phương pháp tuyên truyền truyền thống như tổ chức họp dân theo hình thức “trên đọc - dưới nghe” tuy quen thuộc nhưng hiệu quả chưa cao, chưa thực



Nhân viên Ban Quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy phối hợp với kiểm lâm địa bàn và người dân tuần tra, bảo vệ rừng.



Nhân viên trạm chuyên trách bảo vệ rừng hướng dẫn người dân theo dõi điểm nghi ngờ cháy rừng

sự thu hút và tương tác với người dân.

Từ thực tế đó, Ban Quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy đã từng bước đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền theo hướng trực quan, sinh động và dễ tiếp cận hơn. Đơn vị đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xây dựng các video mô phỏng tình huống cháy rừng, hướng dẫn chữa cháy ban đầu, kỹ năng thoát nạn khi xảy ra cháy rừng; đồng thời đăng tải trên các nền tảng mạng xã hội như Zalo, Facebook, giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin.

Các thông điệp bảo vệ rừng được chuyển tải bằng hình ảnh, infographic giúp người dân dễ tiếp cận, nắm bắt thông tin.

Nhờ đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền theo hướng linh hoạt, hiện đại, đơn vị đã chuyển tải đầy

đủ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đến người dân. Từ đầu năm đến nay, Ban Quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy đã tổ chức 21 cuộc tuyên truyền với hơn 1.200 lượt người tham gia; đồng thời ký cam kết bảo vệ rừng và PCCCR với 100 hộ dân có nương rẫy gần rừng, ven rừng tại các xã Đăk Kôi và Đăk Rve.

Khi được tiếp cận đầy đủ thông tin, hiểu rõ vai trò, lợi ích và trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ rừng, 14 cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng đã chủ động, tích cực tham gia tuần tra, bảo vệ rừng, góp phần giữ gìn những cánh rừng xanh trên địa bàn.

Cùng với việc đổi mới công tác tuyên truyền, đơn vị cũng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong triển khai

nhiệm vụ chuyên môn, triển khai sử dụng các phần mềm như: Mapinfo, Global mapper, Google Earth, Locusmap, SMART, Mapsource... phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và biên tập bản đồ, tuần tra rừng, theo dõi diễn biến rừng.

Đồng thời các phòng chuyên môn và trạm chuyên trách bảo vệ rừng hướng dẫn người dân thường xuyên theo dõi điểm nghi ngờ cháy rừng trên website <https://v2.pcccr.vn/diem-chay> để kịp thời nắm bắt diễn biến nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm và xử lý nhanh các điểm cháy phát sinh.

Dưới những tán rừng xanh bạt ngàn, công nghệ số đã trở thành trợ thủ đắc lực giúp đơn vị tiết kiệm thời gian, nhân lực và nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - ĐÒN BẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

 Nguyễn Thị Tuyết

Chi cục Phát triển nông thôn

Với diện tích hơn 14.800 km², dân số trên 2,1 triệu người và hơn 65% số hộ dân sinh sống bằng nông, lâm nghiệp, thủy sản, tỉnh Quảng Ngãi mới có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế tập thể (KT TT). Trong giai đoạn hiện nay, hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) cần được khẳng định vai trò là hạt nhân liên kết sản xuất, cầu nối đưa nông dân tiếp cận thị trường, khoa học công nghệ và nâng cao giá trị sản phẩm.

Theo báo cáo của các địa phương, đến tháng 5/2026, toàn tỉnh có 01 liên hiệp HTXNN, 720 HTX với hơn 303.000 thành viên; trong đó có 529 HTXNN, chiếm 73,47%. Nhiều HTX đã chủ động đổi mới phương thức hoạt động, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần tổ chức lại sản xuất và xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, khu vực KT TT vẫn còn nhiều hạn chế cần được tháo gỡ. Trước

hết, hiệu quả hoạt động của nhiều HTX còn thấp. Phần lớn HTX có quy mô vốn nhỏ, năng lực quản trị hạn chế, thiếu đội ngũ cán bộ trẻ kế cận. Công tác quản lý nhà nước ở cơ sở chủ yếu kiêm nhiệm nên việc hướng dẫn, hỗ trợ HTX tiếp cận chính sách còn chậm. Hiện toàn tỉnh có ít nhất 41 HTXNN ngừng hoạt động hoặc chờ giải thể do vướng mắc về nợ thuế, đất đai và tài sản công. Bên cạnh đó, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa bền vững. Chuỗi giá trị từ sản xuất đến thị trường còn lỏng lẻo, vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp chưa rõ nét, mô hình liên kết “6 nhà” vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình triển khai. Đặc biệt, khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với HTX được chuyển mạnh về cấp xã. Điều này đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của HTX.

Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Trung ương và các nghị quyết, kế hoạch của tỉnh về phát triển KT TT trong giai đoạn mới, cần tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Tiếp tục rà soát, cụ thể hóa Luật Hợp tác xã năm 2023 và Nghị định số 113/2024/NĐ-CP phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Quảng Ngãi mới. Đồng thời, tăng cường phân cấp cho chính quyền cấp xã trong hỗ trợ thủ tục đăng ký, theo dõi và báo cáo hoạt động của HTX; chuyển từ tư duy quản lý “xin – cho” sang “Nhà nước kiến tạo, HTX làm chủ”. Cùng với đó, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, Liên minh HTX tỉnh và các địa phương trong triển khai chính sách hỗ trợ, tư vấn và hướng dẫn HTX hoạt động.

Thứ hai, xử lý dứt điểm HTX yếu kém, củng cố nội lực khu vực KT TT. Tiếp tục



Tập huấn ứng dụng AI trong quản trị, điều hành HTX

rà soát, giải thể các HTX ngừng hoạt động kéo dài; đồng thời kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về KTTT từ tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Bên cạnh đó, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ các HTX hoạt động hiệu quả, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ quản trị HTX theo hướng chuyên nghiệp, có kiến thức thị trường, kỹ năng quản trị hiện đại và năng lực ứng dụng công nghệ số.

Thứ ba, thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Liên kết là chìa khóa để HTXNN phát triển bền vững. Nhà nước cần tiếp tục đóng vai trò kiến tạo, triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

Trọng tâm là xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến sâu đối với các sản phẩm chủ lực như cà phê, sâm Ngọc Linh, quế Trà Bồng, tỏi Lý Sơn, cây ăn quả và dược liệu. Đồng thời, ưu tiên lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ liên kết sản xuất.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ. Trong bối cảnh kinh tế số và trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ, chuyển đổi số là động lực quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh của HTX. Tỉnh cần xây dựng cơ sở dữ liệu về HTX đồng bộ, liên thông; hỗ trợ HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải và thích

ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, đẩy mạnh thương mại điện tử, giúp HTX đưa nông sản lên các sàn giao dịch trực tuyến, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Phát triển KTTT, HTXNN trong giai đoạn mới không chỉ là mục tiêu kinh tế mà còn là thước đo năng lực điều hành của chính quyền địa phương hai cấp. Với mục tiêu đến năm 2030 trở thành tỉnh sản xuất được liệu lớn của cả nước, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, vùng nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến sâu, phục vụ xuất khẩu; xây dựng vùng nguyên liệu dứa, chanh dây và thành lập mới ít nhất 50 HTXNN, Quảng Ngãi đang đứng trước những cơ hội phát triển lớn.

Hãy để tinh thần “*Hợp tác để cùng mạnh, làm chủ để cùng giàu*” lan tỏa mạnh mẽ trên khắp các cánh đồng, nương rẫy từ miền biển, đảo Lý Sơn đến đỉnh Ngọc Linh hùng vĩ. Mỗi cán bộ, mỗi thành viên HTX hãy cùng nắm tay nhau trong khát vọng đổi mới, góp phần xây dựng một Quảng Ngãi hiện đại, giàu bản sắc và phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới.

ỨNG DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT VIỆT NAM (VAHIS) TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO DỊCH BỆNH

 **Lê Thị Thanh**

Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Thực hiện chủ trương chuyển đổi số quốc gia và định hướng chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường, thời gian qua, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y. Trong đó, việc triển khai và khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam (VAHIS) đã trở thành một trong những giải pháp quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả giám sát, báo cáo và quản lý dịch bệnh động vật, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của ngành.

VAHIS là hệ thống thông tin trực tuyến do Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng và triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước nhằm

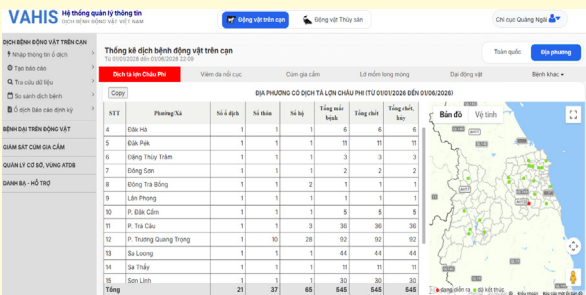
quản lý, cập nhật, tổng hợp và khai thác dữ liệu dịch bệnh động vật. Hệ thống cho phép kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cấp quản lý từ cơ sở đến Trung ương, bảo đảm dữ liệu được cập nhật đồng bộ, kịp thời, chính xác và minh bạch.

Xác định vai trò quan trọng của hệ thống trong công tác quản lý dịch bệnh, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi đã phân công cán bộ chuyên trách thực hiện việc quản trị, cập nhật và khai thác dữ liệu trên VAHIS. Khi phát hiện dịch bệnh và nhận được báo cáo ổ dịch từ địa phương, Chi cục phối hợp với chính quyền địa phương, hướng dẫn cơ quan chuyên môn điều tra dịch tễ, đồng thời cập nhật đầy đủ các dữ liệu theo quy định lên hệ thống.

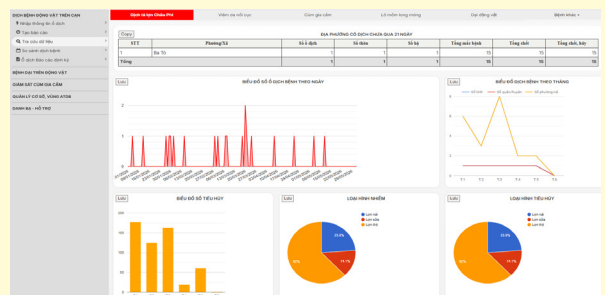
Thông qua VAHIS, toàn

bộ thông tin liên quan đến ổ dịch như địa điểm xảy ra dịch, thời gian phát sinh, số thôn, số hộ chăn nuôi bị ảnh hưởng, số lượng động vật mắc bệnh, chết, tiêu hủy, tình trạng xử lý ổ dịch và các biện pháp phòng, chống dịch được quản lý tập trung trên môi trường số. Điều này giúp cơ quan quản lý các cấp theo dõi sát diễn biến dịch bệnh, đánh giá nguy cơ lây lan, kịp thời tham mưu và triển khai các giải pháp phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả.

Trong năm 2025, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện cập nhật đầy đủ 118 ổ dịch phát sinh trên địa bàn tỉnh lên hệ thống VAHIS, gồm 71 ổ dịch Dịch tả lợn Châu Phi, 30 ổ dịch Viêm da nổi cục, 12 ổ dịch Cúm gia cầm, 03 ổ dịch Lở mồm long móng và 02 ổ dịch Đại chấy.



Bản đồ số giám sát dịch bệnh động vật trên Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam (VAHIS), hỗ trợ theo dõi vị trí, diễn biến và tình trạng xử lý các ổ dịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi



Hệ thống VAHIS hỗ trợ tổng hợp, phân tích và trực quan hóa dữ liệu dịch bệnh động vật thông qua các biểu đồ thống kê, phục vụ công tác giám sát, dự báo và chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh

Tiếp tục phát huy hiệu quả của hệ thống, trong 6 tháng đầu năm 2026, Chi cục đã cập nhật kịp thời 41 ổ dịch phát sinh trên địa bàn tỉnh, gồm 21 ổ dịch Dịch tả lợn Châu Phi, 14 ổ dịch Viêm da nổi cục, 04 ổ dịch Cúm gia cầm, 01 ổ dịch Lở mồm long móng và 01 ổ dịch Đại chồ. Tất cả các ổ dịch thuộc diện phải báo cáo đều được cập nhật đầy đủ, đúng thời gian quy định trên hệ thống VAHIS ngay sau khi địa phương báo cáo.

Việc ứng dụng VAHIS không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và quản lý dịch bệnh mà còn tạo bước chuyển biến rõ nét trong công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số của ngành thú y. So với phương thức tổng hợp báo cáo thủ công trước đây, hệ thống giúp rút ngắn đáng kể thời gian xử lý thông tin, giảm thiểu sai sót trong quá trình tổng hợp số liệu, đồng thời nâng cao tính chính xác, đồng bộ và minh bạch của dữ liệu chuyên ngành.

Bên cạnh đó, dữ liệu được lưu trữ tập trung trên nền tảng số giúp thuận lợi cho công tác tra cứu, thống kê, phân tích và đánh giá tình hình dịch bệnh theo từng địa phương, từng loại bệnh và từng giai đoạn. Đây là nguồn dữ liệu quan trọng phục vụ công tác dự báo nguy cơ dịch bệnh, xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch, hoạch định chính sách phát triển chăn nuôi cũng như đáp ứng yêu cầu báo cáo, chia sẻ dữ liệu với cơ quan quản lý cấp trên.

Trong thời gian tới, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng cập nhật dữ liệu, tăng cường khai thác hiệu quả các tiện ích của hệ thống VAHIS, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, giám sát và phòng, chống dịch bệnh động vật. Qua đó góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường, bảo vệ an toàn dịch bệnh cho đàn vật nuôi, bảo đảm phát triển chăn nuôi bền vững và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

KHUYẾN NÔNG CHỦ ĐỘNG ĐƯA MÔ HÌNH CANH TÁC CÀ PHÊ THÔNG MINH ĐẾN NÔNG DÂN

 **Phạm Thanh**

Trung tâm Khuyến nông

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng tác động mạnh đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt tại các vùng sản xuất phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết như khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi, việc thay đổi phương thức canh tác đang trở thành yêu cầu cấp thiết. Từ thực tiễn đó, mô hình canh tác “cà phê thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu” đang từng bước được lan tỏa, góp phần giúp người dân thay đổi tư duy sản xuất theo hướng hiệu quả, bền vững và thích ứng tốt hơn với điều kiện tự nhiên ngày càng khắc nghiệt.

Khác với phương thức sản xuất truyền thống dựa nhiều vào kinh nghiệm, canh tác cà phê thông minh hướng đến việc sử dụng hợp lý các nguồn lực đầu vào trên cơ sở nhu cầu thực tế của cây trồng và điều kiện thời tiết. Người dân được hướng dẫn áp dụng các biện pháp như tưới nước tiết kiệm, bón phân cân đối theo từng giai đoạn sinh trưởng, tăng cường sử dụng phân hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp, bảo vệ độ phì đất và giảm phát thải trong sản xuất. Mục tiêu không chỉ là nâng cao năng suất mà còn giảm chi phí đầu tư, sử dụng hiệu quả tài nguyên và tăng khả năng chống chịu của cây cà phê trước các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Trên cơ sở kết quả tích cực từ các hoạt động triển khai giai đoạn 2023 - 2025, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động tổ chức chuỗi lớp tập huấn về canh tác cà phê thông minh tại nhiều địa phương vùng Tây của tỉnh. Chỉ trong thời gian ngắn cuối tháng 3/2026, nhiều lớp tập huấn được triển khai liên tục với sự tham gia của hàng trăm nông dân. Nội dung đào tạo được xây dựng theo hướng thiết thực, tập trung giải quyết những vấn đề mà người sản xuất đang quan tâm như ứng phó với hạn hán, sử dụng phân bón hiệu quả, giảm chi phí đầu vào và nâng cao giá trị sản phẩm.



Mô hình canh tác cà phê thông minh góp phần xây dựng nền nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu, hiệu quả và bền vững

Điểm đáng ghi nhận là hoạt động tập huấn không đơn thuần dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mà hướng tới thay đổi tư duy sản xuất. Nông dân được tiếp cận những giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đồng thời hiểu rõ hơn về yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu và yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Cùng với sự chủ động của ngành khuyến nông, chính quyền cơ sở cũng tham gia tích cực vào quá trình triển khai. UBND các xã, các tổ chức đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể địa phương đã phối hợp chặt chẽ trong công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức lớp học. Sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị cơ sở đã tạo điều kiện để

hoạt động khuyến nông tiếp cận rộng hơn với người dân, góp phần nâng cao hiệu quả chuyển giao tiên bộ kỹ thuật.

Bên cạnh đó, sự đồng hành của doanh nghiệp cũng mang lại giá trị thiết thực cho chương trình. Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền không chỉ hỗ trợ nguồn lực tổ chức mà còn trực tiếp cử cán bộ kỹ thuật tham gia hướng dẫn, giải đáp các vấn đề phát sinh trong sản xuất. Sự phối hợp giữa cơ quan khuyến nông, doanh nghiệp và người dân đã hình thành mối liên kết chặt chẽ, tạo điều kiện để các tiến bộ kỹ thuật nhanh chóng đi vào thực tiễn.

Thực tế cho thấy, người dân ngày càng quan tâm đến các giải pháp sản xuất tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tại các lớp tập huấn, nhiều nông dân đã chủ động trao đổi, thảo luận về kỹ thuật

chăm sóc cà phê, sử dụng phân bón hợp lý, quản lý sâu bệnh cũng như khả năng áp dụng các giải pháp tương tự đối với các loại cây trồng khác như sầu riềng, mắc ca, lúa và cây ăn quả. Điều này cho thấy tư duy sản xuất theo hướng “thông minh” đang từng bước được mở rộng từ cây cà phê sang nhiều đối tượng cây trồng khác.

Về lâu dài, chuỗi hoạt động tập huấn canh tác cà phê thông minh không chỉ giúp nâng cao trình độ sản xuất cho người dân mà còn góp phần xây dựng nền nông nghiệp thích ứng, hiệu quả và bền vững. Thông qua việc thúc đẩy sản xuất dựa trên cơ sở khoa học kỹ thuật, tăng cường liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp và hệ thống khuyến nông, mô hình đang tạo nền tảng quan trọng cho quá trình chuyển đổi sản xuất nông nghiệp tại khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi.

Kết quả bước đầu cho thấy, khi khuyến nông thực hiện tốt vai trò kết nối, đồng hành và dẫn dắt, những tiến bộ kỹ thuật hoàn toàn có thể nhanh chóng được chuyển hóa thành hành động cụ thể trên đồng ruộng. Với hướng đi phù hợp và sự tham gia của nhiều bên liên quan, mô hình canh tác cà phê thông minh được kỳ vọng sẽ tiếp tục được nhân rộng, góp phần nâng cao giá trị ngành hàng cà phê và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương trong thời gian tới.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

 **Lê Thị Tường Vi**

Chi cục Phát triển nông thôn

Phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn là giải pháp quan trọng nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Trong không gian phát triển mới của tỉnh Quảng Ngãi, việc đánh giá đúng thực trạng và triển khai các giải pháp phù hợp sẽ tạo động lực thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững.

Hiện nay, toàn tỉnh có 22.637 cơ sở ngành nghề nông thôn hoạt động hiệu quả, thuộc 7 nhóm ngành nghề theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó có 317 doanh nghiệp, 169 hợp tác xã, 27 tổ hợp tác và 22.124 hộ kinh doanh. Tổng doanh thu đạt khoảng 43.173 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn 52.000 lao động, thu nhập bình quân khoảng 6 triệu đồng/người/tháng.

Các cơ sở ngành nghề nông thôn chủ yếu do hộ sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác và hợp tác xã thực hiện. Nhiều cơ sở đã từng bước ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và hình thành các mối liên kết trong tiêu thụ nông



Hộ dân đang sản xuất tại Làng nghề truyền thống chổi dót thôn Đại An Đông, xã Nghĩa Hành

sản, sản phẩm chế biến.

Đến nay, tỉnh đã công nhận 1 làng nghề, 5 làng nghề truyền thống và 7 nghề truyền thống. Riêng 1 làng nghề và 5 làng nghề truyền thống được công nhận hiện có khoảng 500 cơ sở hoạt động, tạo việc làm cho hơn 1.200 lao động, doanh thu hơn 43 tỷ đồng, thu nhập bình quân khoảng 5 triệu đồng/người/tháng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nghề nông thôn và làng nghề vẫn còn nhiều khó khăn. Phần lớn cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, sản xuất thủ công, sức cạnh tranh

thấp, thị trường tiêu thụ chưa ổn định. Việc công nhận làng nghề còn vướng mắc do khó đáp ứng tiêu chí theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP; ứng dụng công nghệ sạch, chuyển đổi số còn chậm, ô nhiễm môi trường vẫn tồn tại. Đáng chú ý, nhiều nghề truyền thống, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đang đứng trước nguy cơ mai một do thị trường hạn chế, thu nhập thấp và thiếu lực lượng nghề nhân kế cận,...

Giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Quảng Ngãi xác định phát triển ngành nghề nông thôn phải gắn với bảo tồn

văn hóa, phát triển du lịch và xây dựng thương hiệu. Định hướng chung là phát triển theo hướng “xanh hơn, số hơn, vươn xa hơn”, trong đó mỗi sản phẩm làng nghề phải gắn với giá trị văn hóa, lịch sử và bản sắc địa phương để nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh.

Để đạt mục tiêu trên, công tác quản lý nhà nước cần tập trung vào các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp thực tiễn. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP; ưu tiên cơ chế phát triển nghề truyền thống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, kiến nghị sửa đổi quy định về tiêu chí công nhận làng nghề theo hướng phù hợp với thực tế phân bố dân cư hiện nay; khuyến khích thu hút nguồn lực đầu tư theo hình thức đối tác công tư để phát triển hạ tầng dùng chung, xử lý môi trường, logistics và không gian trưng bày sản phẩm.

Thứ hai, gắn phát triển ngành nghề với du lịch và các chương trình mục tiêu quốc gia. Lồng ghép nhiệm vụ phát triển ngành nghề, làng nghề vào các chương trình mục tiêu quốc gia và xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế đa giá trị kết hợp sản xuất, thương mại, dịch vụ

và du lịch trải nghiệm. Tăng cường liên kết các điểm du lịch đặc trưng như Lý Sơn, Sa Huỳnh, Măng Đen và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số để hình thành các tuyến du lịch trải nghiệm gắn với làng nghề. Đồng thời, đẩy mạnh tham gia Chương trình OCOP nhằm tạo sinh kế và bảo tồn các nghề truyền thống.

Thứ ba, đẩy mạnh cơ giới hóa, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng sản phẩm. Hỗ trợ các cơ sở đầu tư máy móc, thiết bị tiên tiến, ứng dụng công nghệ mới thân thiện môi trường nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Song song đó, xây dựng cơ sở dữ liệu số về làng nghề, nghề truyền thống, sản phẩm, nghề nhân và môi trường sản xuất; hình thành bản đồ số làng nghề phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, xúc tiến thương mại và phát triển du lịch.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực và bảo tồn đội ngũ nghề nhân. Thực hiện tốt chính sách xét tặng danh hiệu nghề nhân, thợ giỏi; hỗ trợ nghề nhân tham gia truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ. Đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng kết hợp giữa nghề truyền thống với công nghệ hiện đại và tư duy thị trường, nâng cao khả năng thích ứng trong bối cảnh hội nhập.

Thứ năm, quy hoạch vùng nguyên liệu và bảo vệ môi trường. Xây dựng các vùng

nguyên liệu ổn định phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; gắn phát triển sản xuất với kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và giải quyết các vấn đề môi trường tại các khu vực sản xuất tập trung.

Thứ sáu, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ. Đẩy mạnh đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và các điểm du lịch; mở rộng tiêu thụ qua các sàn thương mại điện tử và các giải pháp logistics hiện đại. Hỗ trợ các cơ sở số hóa quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm trong nước, quốc tế; từng bước đưa các sản phẩm tiêu biểu của Quảng Ngãi tham gia các sự kiện lớn dưới thương hiệu chung của tỉnh.

Phát triển ngành nghề và làng nghề nông thôn giai đoạn 2026 - 2030 không chỉ nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân mà còn góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa, phát triển du lịch và xây dựng nông thôn bền vững. Với các giải pháp đồng bộ về cơ chế chính sách, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực và mở rộng thị trường, ngành nghề nông thôn Quảng Ngãi có cơ hội phát triển mạnh mẽ, nâng cao giá trị sản phẩm và khẳng định vị thế trên thị trường trong nước cũng như quốc tế.

HTX NÔNG NGHIỆP ĐỨC PHONG

“Hạt nhân” của chuỗi giá trị bền vững

Mỹ Nữ

Trung tâm Khuyến nông

Nhằm nâng cao giá trị nông sản địa phương, xã Lân Phong đã đẩy mạnh cơ cấu lại sản xuất, trong đó Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp Đức Phong đóng vai trò trụ cột. HTX đã thay thế phương thức canh tác tự phát trước đây bằng quy trình đồng bộ từ khâu chọn giống đến kỹ thuật chăm sóc. Đặc biệt, với tư cách là đầu mối pháp lý, HTX đã ký hợp đồng bao tiêu trực tiếp với doanh nghiệp. Giải pháp này giúp nông dân chuyển hẳn sang sản xuất theo đơn đặt hàng, chấm dứt sự phụ thuộc vào thương lái và ổn định giá cả đầu ra.

“Luồng gió mới” từ những mô hình liên kết

Mô hình chuỗi giá trị đã thổi “luồng gió mới” vào cánh đồng Lân Phong, xóa bỏ tư duy sản xuất manh mún để thay bằng quy trình chuẩn hóa từ khâu chọn giống đến chăm sóc, mang lại sự an tâm tuyệt đối về đầu ra cho nông dân.

Tại xứ Đồng Rẫy (thôn Thạch Thang), mô hình liên kết trồng lạc quy mô 13 ha với 77 hộ tham gia (giai đoạn 2025 - 2027) do Phòng Kinh tế xã và HTX Nông nghiệp Đức Phong phối hợp thực hiện. Nhờ chính sách hỗ trợ 50% chi phí vật tư và chuyển



Hợp tác xã Nông nghiệp Đức Phong - Mắt xích quan trọng trong chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

giao kỹ thuật tiên tiến, năng suất lạc vụ này bứt phá ngoạn mục, hạt đồng đều, mẫu mã vượt trội. Ông Võ Xuân Cảnh (hộ tham gia 0,9 ha) khẳng định, “nhờ HTX ký kết bao tiêu toàn bộ theo giá thị trường và hướng dẫn kỹ thuật sát sao, gia đình tôi vừa giải được bài toán đầu ra, vừa giảm chi phí sản xuất”.

Không chỉ dừng lại ở cây lạc, mô hình liên kết sản xuất lúa giống và lúa thương phẩm theo chuỗi giá trị tại các thôn Tú Sơn 1, Lâm Hạ và Lâm Thượng đã quy tụ 530 hộ tham gia với quy mô lên đến 60 ha. Bà con được Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư và 100% phí chuyển giao kỹ thuật. Dưới sự điều phối của HTX và chính quyền,

nông dân đã làm chủ cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất đến thu hoạch, giảm tối đa chi phí nhân công và thất thoát.

Nhờ kỹ thuật tiên tiến, sâu bệnh được giữ dưới ngưỡng an toàn: mật độ rầy nâu chỉ 500 - 1.000 con/m²; tỷ lệ bệnh đạo ôn lá đạt mức nhẹ 2,5 - 5%; bệnh lem lép hạt chỉ chiếm 2 - 5%, không ảnh hưởng đến năng suất. Vụ thu hoạch ghi nhận kết quả ấn tượng: giống BDR57 đạt 88,3 tạ/ha; giống HG12 đạt 74,3 tạ/ha (trên 32 ha) và giống HD34 đạt 70,5 tạ/ha (trên 23 ha). Tính chung toàn mô hình, năng suất bình quân đạt 74 tạ/ha, cao hơn 3,5 tạ/ha so với bình quân toàn xã (70,5 tạ/ha).

Bà Phạm Thị Thù ở thôn Lâm Thượng, tham gia

mô hình với 3 sào lúa (500m²/sào) phân khởi, cho biết, “từ khi vào chuỗi liên kết, lúa phát triển tốt, ít sâu bệnh. Năng suất cao hơn hẳn trước đây nên chúng tôi rất yên tâm sản xuất”.

Vai trò “nhạc trưởng” của HTX và chính quyền địa phương

Để vận hành hiệu quả mô hình liên kết quy mô lớn tại xã Tân Phong, HTX Nông nghiệp Đức Phong và chính quyền địa phương đã phát huy xuất sắc vai trò “nhạc trưởng” điều phối chuỗi giá trị. Không chỉ dừng lại ở việc cung ứng vật tư, HTX đã chủ động đồng bộ hóa lịch thời vụ, áp dụng cơ giới hóa toàn diện trên cánh đồng lúa tập trung và đầu tư hệ thống thủy lợi, công nghệ tưới tiết kiệm để bảo vệ vùng thâm canh lạc trước biến đổi khí hậu. Đặc biệt, với tư cách pháp nhân, HTX đóng vai trò là “người gác cổng” siết chặt kỷ luật sản xuất nhằm bảo đảm nông sản đạt chuẩn, đồng thời ký kết hợp đồng bao tiêu dài hạn với các doanh nghiệp uy tín để giải quyết nỗi lo “được mùa mất giá”. Sự đồng hành này được củng cố bởi định hướng quy hoạch bản đồ thổ nhưỡng sát sao từ chính quyền địa phương, giúp tối ưu hóa giá trị trên cùng

một diện tích canh tác. Dù vẫn còn thách thức từ thói quen canh tác cũ của một số hộ dân, việc HTX tiếp tục đẩy mạnh tập huấn kỹ thuật và mở rộng mạng lưới tiêu thụ trong thời gian tới chính là chìa khóa để đưa nông nghiệp Tân Phong bứt phá chuyên nghiệp và phát triển bền vững.

Hướng tới nền nông nghiệp bền vững

Sự thành công của chuỗi liên kết tại Tân Phong lấy người nông dân làm chủ thể sản xuất và HTX làm mắt xích chiến lược. Việc hàng trăm hộ dân tại xứ Đồng Rẫy và cánh đồng lớn tự giác từ bỏ nếp nghĩ cũ để tuân thủ quy trình kỹ thuật khắt khe, ứng dụng công nghệ và cơ giới hóa chính là bệ đỡ giúp tăng năng suất, giảm chi phí và bảo vệ môi trường. Mô hình liên kết “4 nhà” này đã chứng minh hiệu quả kinh tế vượt trội, giúp nông dân không còn đơn độc mà tạo nên sức mạnh tập thể để làm giàu bền vững. Để phát huy tối đa thành quả, thời gian tới địa phương cần tiếp tục tuyên truyền sản xuất đồng bộ trên cùng xứ đồng, đồng thời chủ động nhân rộng mô hình sang các vùng có thổ nhưỡng tương đồng nhằm nâng cao thu nhập cho bà con.

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NGỌC LINH

✍ Lê Viết Tuấn

PGD Ban quản lý

Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh

Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh là một trong những trung tâm đa dạng sinh học quan trọng của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Với diện tích hơn 37.546,363 ha, trải rộng trên địa hình núi cao hiểm trở của dãy Trường Sơn, khu bảo tồn sở hữu hệ sinh thái rừng tự nhiên phong phú cùng nhiều loài động, thực vật quý hiếm mang giá trị toàn cầu. Trong những năm gần đây, công tác điều tra đa dạng sinh học tại Ngọc Linh được tăng cường mạnh mẽ bằng việc ứng dụng các phương pháp nghiên cứu hiện đại, góp phần cung cấp những dữ liệu khoa học quan trọng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong điều tra đa dạng sinh học

Từ tháng 10 năm 2025 đến tháng 3 năm 2026, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh phối hợp với Tổ chức bảo tồn động thực vật hoang dã Fauna & Flora International (FFI) triển khai hoạt động điều tra đa dạng sinh học bằng thiết bị bẫy ảnh (camera traps) và thiết bị ghi âm tự động audiomoth. Đây là những công cụ hiện đại đang được áp dụng phổ biến trong nghiên cứu và bảo tồn động



Mang Trường Sơn (*Muntiacus truongsonensis*)



Chà và chân xám (*Pygathrix cinerea*)

vật hoang dã trên thế giới.

Hệ thống điểm bẫy ảnh được thiết kế ô lưới bán kính 2,5km trên toàn bộ lâm phần với 69 điểm bẫy ảnh và thiết bị thu audiomoth. Thiết bị hoạt động liên tục ngày và đêm, tự động ghi nhận hình ảnh khi phát hiện chuyển động. Trong khi đó, audiomoth có khả năng ghi âm tiếng kêu của các loài chim, thú và lưỡng cư với độ nhạy cao, giúp nhận diện nhiều loài khó quan sát trực tiếp. Thời gian đặt thiết bị tối thiểu 60 ngày trong rừng.

Việc ứng dụng công nghệ hiện đại không chỉ giúp tăng hiệu quả điều tra mà còn tạo ra nguồn dữ liệu liên tục, khách quan và có độ chính xác cao. Đây được xem là bước tiến quan trọng trong công tác quản lý, giám sát đa

dạng sinh học tại khu bảo tồn.

Ghi nhận nhiều loài động vật quý hiếm

Kết quả từ các đợt khảo sát cho thấy hệ sinh thái tại Ngọc Linh vẫn duy trì được tính đa dạng sinh học rất cao. Các nhóm nghiên cứu đã ghi nhận sự hiện diện của 49 loài động vật có xương sống, bao gồm 32 loài thú và 17 loài chim.

Đáng chú ý, có tới 27 loài nằm trong danh mục nguy cấp, quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ. Trong số đó, 13 loài thuộc nhóm IB – nhóm động vật cực kỳ quý hiếm nghiêm cấm khai thác và săn bắt vì mục đích thương mại theo Thông tư 85/2025/TT-BNNMT, ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định về quản lý loài nguy cấp,

quý, hiếm, loại động vật rừng thông thường và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Nhiều loài có giá trị bảo tồn đặc biệt đã được ghi nhận thông qua hình ảnh và âm thanh như Chà và chân xám, Vượn má vàng trung bộ, Gấu chó, Gấu ngựa, Sơn dương, Mang Trường Sơn, Thỏ vằn Trường Sơn, Cây gấm, Cây vằn bắc, Tê tê, trĩ sao, Khướu ngọc linh, Mi núi bà...

Một trong những kết quả nổi bật nhất là việc thiết bị audiomoth xác định được sự tồn tại của hai quần thể Vượn má vàng trung bộ tại khu vực nghiên cứu. Đây là loài linh trưởng quý hiếm đang bị đe dọa nghiêm trọng do mất sinh cảnh và nạn săn bắt trái phép.



Gà lôi trắng (*Lophura nycthemera*)



Cây vằn bắc (*Chrotogale owstoni*)

Việc ghi nhận các quần thể vườn cho thấy hệ sinh thái rừng tại Ngọc Linh vẫn còn giữ được mức độ nguyên vẹn cao và có khả năng duy trì các loài động vật nhạy cảm với biến động môi trường.

Ngoài các loài thú lớn, hệ thống bẫy ảnh còn ghi nhận sự xuất hiện phổ biến của nhiều loài thú móng guốc và gặm nhấm như Mang Trường Sơn, Mang thường, Sơn dương, Lợn rừng, Dúi và Nhím... Sự hiện diện ổn định của các loài này phản ánh nguồn thức ăn tự nhiên phong phú cho các loài thú ăn thịt trong chuỗi sinh thái tự nhiên.

Khu vực có giá trị đặc hữu cao

Không chỉ đa dạng về thành phần loài, Ngọc Linh còn được đánh giá là khu vực có tỷ lệ đặc hữu rất cao. Các kết quả điều tra đã ghi nhận tổng cộng 177 loài đặc hữu, trong đó có 161 loài thực vật và 16 loài động vật.

Đặc biệt, khu vực này được xác định là sinh cảnh duy nhất trên thế giới của nhiều loài động vật quý hiếm như Khướu Ngọc Linh, Cóc mây,Ếch cây sần sương mù, Mi núi bà... Đây đều là những loài có vùng phân bố hẹp, chỉ thích nghi với điều kiện khí hậu lạnh ẩm đặc trưng của vùng núi cao Ngọc Linh.

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng, Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh đang phối hợp với Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học xây dựng chương trình kiểm kê và quan trắc đa dạng sinh học định kỳ.

Việc liên tục phát hiện và ghi nhận nhiều loài động vật quý hiếm đã góp phần khẳng định giá trị nổi bật của Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh trong mạng lưới Vườn di sản ASEAN. Đây cũng là cơ sở quan trọng để thu hút sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính từ các tổ chức trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn thiên nhiên tại địa phương. Trong bối cảnh nhiều hệ sinh thái rừng tự nhiên đang bị suy giảm nghiêm trọng, những kết quả điều tra tại Ngọc Linh cho thấy nơi đây vẫn là “kho báu xanh” quý giá của Việt Nam. Việc bảo tồn hiệu quả hệ sinh thái đặc biệt này không chỉ góp phần gìn giữ nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với bảo tồn đa dạng sinh học của quốc gia, khu vực và thế giới./.

Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham

 **Hoàng Minh Thuận**

Ban quản lý rừng phòng hộ

Thượng Thạch Nham

Rừng giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với môi trường sinh thái, điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước và góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng không thể chỉ dựa vào lực lượng bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng mà cần có sự phối hợp đồng bộ giữa chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm, các đơn vị liên quan và cộng đồng dân cư sống gần rừng.

Trong thời gian qua, Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham đã chủ động phối hợp với Hạt Kiểm lâm, UBND các xã, các đơn vị chủ rừng giáp ranh và cộng đồng dân cư để triển khai các hoạt động về quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Nội dung phối hợp tập trung vào công tác trao đổi thông tin, nắm tình hình; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp; tổ chức tuần tra, truy quét.

Các đợt tuần tra phối hợp đã góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát địa bàn, đặc biệt tại những khu vực có



Phối hợp tuyên truyền về công tác quản lý bảo vệ rừng

nguy cơ cao xảy ra phá rừng hoặc khai thác lâm sản trái phép. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các lực lượng cùng kiểm tra hiện trạng rừng, phát hiện dấu vết xâm hại tài nguyên rừng và tuyên truyền trực tiếp cho người dân về trách nhiệm bảo vệ rừng. Việc phối hợp nhiều lực lượng cũng giúp bảo đảm an toàn cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện địa hình phức tạp.

Bên cạnh công tác tuần tra, hoạt động tuyên truyền được chú trọng với nhiều hình thức đa dạng như họp dân, tuyên truyền lưu động, phát tờ rơi .v.v. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và trách nhiệm của người dân trong quản lý bảo vệ

rừng. Một trong những kết quả tích cực nổi bật đạt được là vai trò của cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ rừng ngày càng được phát huy. Người dân địa phương không chỉ hỗ trợ cung cấp thông tin mà còn trực tiếp tham gia các tổ, nhóm bảo vệ rừng cộng đồng, tích cực tham gia vào các hoạt động tuần tra bảo vệ rừng, trồng cây phân tán.



Người dân tham gia trồng và chăm sóc cây phân tán

Có thể khẳng định rằng các hoạt động phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng đã góp phần nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy rừng trên địa bàn nói chung và của Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham nói riêng. Với việc triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trong đó có công tác phối hợp từ đầu năm 2026 đến nay diện tích rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý được giữ ổn định, không xảy ra tình trạng vi phạm luật lâm nghiệp và không xảy ra cháy rừng.

RỪNG ĐẶC DỤNG ĐẮK UY - “Viên Ngọc Xanh” Phía Tây Quảng Ngãi

✍ Nguyễn Huy Cường

Ban Quản lý rừng đặc dụng Đắk Uy

Nằm trên địa bàn xã Đắk Mar, tỉnh Quảng Ngãi, rừng đặc dụng Đắk Uy được biết đến là khu bảo tồn cây Trắc quý hiếm lớn nhất cả nước. Khu rừng này từ lâu được ví như “lá phổi xanh” quý giá. Với hệ sinh thái đa dạng, những cánh rừng nguyên sinh bạt ngàn cùng không khí trong lành, nơi đây đang trở thành điểm đến hấp dẫn cho những ai yêu thiên nhiên và mong muốn tìm về sự bình yên giữa đại ngàn.

“Viên ngọc xanh” phía Tây Quảng Ngãi

Bước chân vào rừng Đắk Uy, chúng ta dễ dàng cảm nhận vẻ đẹp hoang sơ với những hàng cây cổ thụ cao vút, tiếng chim rừng vang vọng và những tia nắng len

lỏi qua tán lá xanh mát. Đặc biệt, khu rừng nổi tiếng với quần thể cây gỗ quý cùng nhiều loài động thực vật đặc hữu mang đậm nét đặc trưng của hệ sinh thái rừng khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi.

Không chỉ có giá trị về cảnh quan, rừng đặc dụng Đắk Uy còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học, gìn giữ nguồn gen gỗ Trắc quý hiếm, điều hòa khí hậu và bảo vệ nguồn nước cho khu vực. Những năm gần đây, công tác quản lý, bảo vệ rừng luôn được chú trọng nhằm giữ gìn màu xanh thiên nhiên cho các thế hệ mai sau.

Giữa nhịp sống hiện đại đầy hối hả, rừng đặc dụng Đắk Uy vẫn giữ được vẻ đẹp thanh bình, nguyên sơ như

món quà quý giá mà thiên nhiên ban tặng cho mảnh đất, con người nơi đây. Đây không chỉ là niềm tự hào của người dân địa phương mà còn là điểm nhấn du lịch sinh thái đầy tiềm năng của vùng đất này.

Hoạt động tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng đặc dụng Đắk Uy

Trong những năm qua, công tác tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng và ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, luôn được Ban quản lý rừng đặc dụng Đắk Uy chú trọng và xem là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác quản lý lâm phần được giao.

Theo đó, các tổ tuần tra thường xuyên bám sát địa bàn, kiểm tra hiện trạng rừng, các tuyến đường mòn, khu



Tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng

vực giáp ranh và những nơi có nguy cơ xảy ra khai thác lâm sản trái phép. Công tác tuần tra được thực hiện cả ban ngày lẫn ban đêm nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

Bên cạnh hoạt động kiểm tra thực địa, đơn vị còn đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân sinh sống ven rừng nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

Việc duy trì thường xuyên các hoạt động tuần tra đã góp phần hạn chế tình trạng xâm hại tài nguyên rừng, giữ vững diện tích rừng hiện có và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên quý giá của rừng đặc dụng Đắk Uy.

Trong thời gian tới, đơn vị sẽ tiếp tục tăng cường phối hợp với lực lượng kiểm lâm, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng nhằm siết chặt công tác quản lý, bảo vệ rừng, góp phần bảo tồn “lá phổi xanh” của phía Tây tỉnh Quảng Ngãi.

Đẩy mạnh thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng

 Nguyễn Thị Lê

Quỹ Bảo vệ, Phát triển rừng và PCTT Quảng Ngãi

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang được đẩy mạnh trên tất cả các lĩnh vực, việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) tại Quảng Ngãi ngày càng được nâng cao hiệu quả nhờ ứng dụng công nghệ số vào công tác quản lý, giám sát và thanh toán. Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi (Quỹ tỉnh) cùng các chủ rừng là tổ chức, UBND các xã, phường được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng đã triển khai quyết liệt nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh thanh toán tiền DVMTR qua tài khoản ngân hàng, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và thuận tiện trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

Thanh toán tiền DVMTR qua tài khoản ngân hàng mang lại nhiều lợi ích thiết thực như giảm số lượng cán bộ trực tiếp tham gia chi trả, tiết kiệm thời gian và chi phí cho các bên liên quan, hạn chế sử dụng tiền mặt, bảo đảm an toàn trong quá trình giao dịch và phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Đây cũng là giải pháp quan

trọng góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý tài chính. Từ năm 2018, Quỹ tỉnh đã từng bước chuyển đổi sang hình thức chi trả tiền DVMTR qua tài khoản ngân hàng hoặc giao dịch điện tử đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn. Đồng thời, hướng dẫn các chủ rừng là tổ chức, UBND cấp xã mở tài khoản ngân hàng cho cộng đồng, nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng để tiếp nhận nguồn chi trả hằng năm. Việc chuyển đổi này giúp nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đồng thời giảm thiểu rủi ro trong quá trình chi trả.

Kết quả thực hiện cho thấy sự chuyển biến rõ nét. Trong năm 2025, Quỹ tỉnh đã chi trả tiền DVMTR năm 2024 qua tài khoản ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước cho 32 chủ rừng là tổ chức và 51 UBND xã, thị trấn (nay là 25 xã, phường sau sáp nhập), đạt 100%. Đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn, có 3.340 hộ gia đình, cá nhân và 148 cộng đồng dân cư



Người dân nhận tiền DVMTR tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam - chi nhánh Kon Tum.

thôn được nhận tiền qua tài khoản với tổng số tiền hơn 366,1 tỷ đồng, đạt 97,2% tổng số tiền chi trả. Kết quả này thể hiện những nỗ lực lớn trong việc chuyển đổi từ hình thức chi trả bằng tiền mặt sang thanh toán qua tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn gặp một số khó khăn. Nhiều chủ rừng ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế về giấy tờ tùy thân hoặc vướng mắc trong thủ tục thừa kế. Một số hộ gia đình có diện tích rừng nhỏ, số tiền nhận hằng năm không lớn nên chưa thực sự quan tâm đến việc mở tài khoản ngân hàng. Bên cạnh đó, khoảng cách địa lý đến các điểm giao dịch ngân hàng còn xa, giao thông đi lại khó khăn cũng ảnh hưởng đến quá trình triển khai.

Để khắc phục những tồn

tại trên, Quỹ tỉnh đã phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc mở và sử dụng tài khoản. Việc đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt được xác định là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, bảo đảm công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi của các chủ rừng.

Các chủ rừng là tổ chức và UBND cấp xã trên địa bàn cũng tích cực phối hợp với các ngân hàng để hỗ trợ cộng đồng dân cư và nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng mở tài khoản. Nhiều đơn vị đã xem đây là nhiệm vụ trọng tâm gắn với mục tiêu chuyển đổi số. Tiêu biểu, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy thực hiện khoán bảo vệ rừng

cung ứng DVMTR với diện tích 9.891,54 ha cho 16 cộng đồng dân cư thôn. Trong năm 2025, đơn vị đã chi trả và tạm ứng tiền DVMTR với tổng số tiền 6.474 triệu đồng, thực hiện 100% qua tài khoản ngân hàng cho các cộng đồng nhận khoán. Tương tự, Vườn Quốc gia Chư Mom Ray thực hiện khoán bảo vệ rừng cung ứng DVMTR trên diện tích 3.400 ha cho 7 cộng đồng dân cư thôn. Năm 2025, đơn vị đã chi trả và tạm ứng 4.211 triệu đồng, toàn bộ được chuyển trực tiếp qua tài khoản ngân hàng của các cộng đồng nhận khoán, bảo đảm nhanh chóng, chính xác và minh bạch.

Song song với việc mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, Quỹ tỉnh tiếp tục đẩy mạnh số hóa dữ liệu phục vụ công tác chi trả DVMTR. Theo kế hoạch năm 2026, diện tích rừng được chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh khoảng 413.914 ha, liên quan đến 31 chủ rừng là tổ chức, 25 UBND cấp xã, 3.578 hộ gia đình, cá nhân và 315 cộng đồng dân cư thôn. Quy mô lớn này đòi hỏi công tác quản lý phải được thực hiện khoa học, chính xác và hiệu quả hơn. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, Quỹ tỉnh đã xây dựng và triển khai các

giải pháp chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý dữ liệu chi trả DVMTR; số hóa cơ sở dữ liệu về diện tích rừng, các đối tượng sử dụng và cung ứng DVMTR; đồng thời ứng dụng các thuật toán lập trình trong phần mềm MapInfo để tự động hóa việc cập nhật bản đồ, góp phần đổi mới quy trình nghiệp vụ trong quản lý diện tích rừng được chi trả DVMTR.

Việc ứng dụng công nghệ số và đẩy mạnh thanh toán tiền DVMTR qua tài khoản ngân hàng đang tạo chuyển biến tích cực trong quản lý, giám sát và thực hiện chính sách DVMTR tại Quảng Ngãi. Không chỉ nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản lý tài chính, các giải pháp này còn góp phần cải thiện sinh kế người dân, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ rừng, thúc đẩy chuyển đổi số tại địa phương và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách DVMTR trong giai đoạn mới.

LAN TỎA THÔNG DIỆP NƯỚC SẠCH VÌ NÔNG THÔN XANH - SẠCH - BỀN VỮNG

 Lê Văn Cảnh

Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn Quảng Ngãi

Tực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tỉnh Quảng Ngãi đang chuyển dịch mạnh mẽ từ mục tiêu “tiếp cận nước sạch” sang “cấp nước an toàn và bền vững”. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường năm 2026 không chỉ là một chiến dịch truyền thông, mà là lời khẳng định về trách nhiệm bảo vệ nguồn sống cho tương lai, vai trò của nước sạch đối với phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Từ “Tiếp cận” đến “An toàn”: Một tư duy quản lý mới

Nước sạch là một trong những yếu tố nền tảng bảo đảm sức khỏe cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy phát triển bền vững khu vực nông thôn. Trong những năm qua, cùng với sự quan tâm đầu tư của Trung ương và địa phương, hệ thống hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từng bước được mở rộng, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân và thực hiện các

mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, trước áp lực của hạn hán, xâm nhập mặn và ô nhiễm nguồn nước, khái niệm “đủ nước” giờ đây đã không còn là đích đến cuối cùng. Yêu cầu cấp thiết hiện nay là Cấp nước an toàn. Điều này có nghĩa là dòng nước không chỉ hiện diện tại vòi, mà phải đảm bảo chất lượng ổn định, vận hành bền vững và có khả năng thích ứng cao trước những cú sốc của thiên tai.

Hiện nay, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đang vận hành 30 công trình cấp nước tập trung, phục vụ gần 30.000 hộ dân. Với đơn vị quản lý, mỗi công trình không chỉ là một hệ thống kỹ thuật, mà là một “mạch máu” an sinh xã hội. Việc kiểm soát chặt chẽ từ nguồn khai thác đến quy trình xử lý chính là cam kết cao nhất về sức khỏe cộng đồng. “Cấp nước an toàn không chỉ là nhiệm vụ kỹ thuật, mà là trách nhiệm bảo vệ an sinh xã hội, đảm bảo không một ai bị bỏ lại phía sau trong việc tiếp cận nguồn nước sạch.”

Bảo vệ nguồn nước: Khi



Lễ phát động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường năm 2026

cộng đồng là “người gác cổng”

Một hệ thống hiện đại đến đâu cũng sẽ trở nên vô nghĩa nếu nguồn nước bị ô nhiễm hoặc ý thức cộng đồng bị bỏ ngỏ. Vì vậy, truyền thông nâng cao nhận thức được xác định là “chìa khóa” cho sự bền vững.

Hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường 2026, Lễ phát động tại Trạm cấp nước Diên Bình - Đăk Hring với chủ đề “Nước sạch vì một nông thôn xanh - sạch - bền vững” đã tạo ra một làn sóng thay đổi tích cực. Không dừng lại ở những khẩu hiệu, thông điệp đã được cụ thể hóa bằng những hành động: ra quân vệ sinh môi trường, chỉnh trang khuôn viên và đối thoại trực tiếp với người dân.

Mỗi hành động nhỏ - từ việc không xả thải xuống

sông suối, sử dụng nước tiết kiệm đến việc bảo vệ hàng lang an toàn công trình - chính là cách cộng đồng cùng Nhà nước xây dựng “tấm khiên” bảo vệ tài nguyên nước. Sự tham gia của người dân chính là yếu tố quyết định tính bền vững của mọi công trình hạ tầng.

Chuyển đổi số: Tầm nhìn quản trị hiện đại

Để không bị tụt hậu trước kỷ nguyên công nghệ, ngành nước sạch nông thôn Quảng Ngãi đang từng bước “số hóa” quy trình quản lý. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đang triển khai đồng bộ các giải pháp: số hóa dữ liệu công trình; thanh toán không dùng tiền mặt; giám sát vận hành từ xa. Đây là bước đi chiến lược nhằm hiện đại hóa dịch vụ công, nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi

khí hậu và tối ưu hóa chi phí vận hành, hướng tới một hệ thống cấp nước thông minh và bền vững.

Nước sạch không chỉ là nhu cầu thiết yếu, mà còn là tiêu chí phản ánh năng lực phát triển và thích ứng của một địa phương. Thông qua Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường 2026, thông điệp về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, bảo đảm cấp nước an toàn và phát triển bền vững tiếp tục được lan tỏa đến các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian tới, cùng với việc tiếp tục đầu tư, nâng cấp các công trình cấp nước tập trung, ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi sẽ đẩy mạnh các giải pháp bảo vệ nguồn nước, ứng dụng công nghệ số trong quản lý vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước nông thôn và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Mục tiêu không chỉ là cung cấp đủ nước cho người dân mà còn bảo đảm cấp nước an toàn, ổn định và bền vững, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trên địa bàn tỉnh.

Sản phẩm OCOP 3 sao của cặp “vàng trắng khuyết”

 Lê Thị lan
Trung tâm Khuyến nông

Vượt lên khiếm khuyết cơ thể và những khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng anh Đặng Văn Tấn ở xã Tịnh Khê đã xây dựng thành công cơ sở nhang sạch Tấn Nhật đạt chuẩn OCOP 3 sao, trở thành tấm gương sáng về ý chí vượt khó và khát vọng vươn lên trong lao động sản xuất tại địa phương.

Sinh năm 1985 trong một gia đình nghèo có cha là thương binh, anh Tấn mang di chứng của chất độc da cam khiến chân tay teo tóp bẩm sinh. Năm 2016, anh kết hôn với chị Mai Thị Trúc Lệ, người phụ nữ cùng cảnh ngộ quen qua hội thao người khuyết tật. Từng có nhiều năm mưu sinh tại thành phố Hồ Chí Minh bằng nghề bán hàng rong nhưng cuộc sống vẫn chật vật. Năm 2018, vợ chồng anh quyết định trở về quê hương lập nghiệp.

Cơ duyên đến khi anh Tấn về thăm quê vợ ở Tiền Giang và được người cậu họ truyền dạy nghề làm nhang quế. Nhận thấy Quảng Ngãi có nguồn nguyên liệu quế và thảo mộc phong phú, anh mạnh dạn mang nghề về quê



Vợ chồng anh Đặng Văn Tấn và chị Mai Thị Trúc Lệ bên sản phẩm nhang đạt chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao

phát triển. Năm 2020, cơ sở nhang sạch người khuyết tật Tấn Nhật chính thức ra đời.

Những ngày đầu khởi nghiệp, vợ chồng anh gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm và đầu ra bấp bênh. Với khoản vay 40 triệu đồng theo diện hộ nghèo, anh đầu tư máy trộn bột và máy phóng nhang nhỏ để sản xuất. Tuy nhiên, nhiều công đoạn vẫn phải làm thủ công nên năng suất thấp, sản phẩm thường bị nứt gãy hoặc ẩm mốc vào mùa mưa. Làm ra sản phẩm đã khó nhưng tiêu thụ còn khó hơn khi nhiều đại lý e ngại nhập hàng vì giá cao hơn nhang thông thường. Không bỏ cuộc, anh

Tấn tiếp tục học hỏi kỹ thuật, đồng thời tự nghiên cứu kết hợp các loại thảo mộc tự nhiên như quế, sả, ngải cứu, đinh lăng, vỏ bưởi, bời lời... để tạo nên công thức riêng cho sản phẩm. Nhờ đó, nhang Tấn Nhật có mùi thơm dịu nhẹ, thân thiện với người sử dụng và phù hợp xu hướng tiêu dùng sản phẩm sạch.

Đầu năm 2023, cơ sở sản xuất nhang của anh được Hội Nạn nhân chất độc da cam hỗ trợ một máy sấy nhang trị giá 30 triệu đồng. Thiết bị này giúp cơ sở duy trì sản xuất ổn định quanh năm, nhất là trong mùa mưa, khi việc phơi nhang gặp nhiều

khó khăn. Nhờ sự đồng hành của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể, đến cuối năm 2023, sản phẩm nhang quế của cơ sở đã được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao.

Bước sang năm 2024, cơ sở tiếp tục khẳng định chất lượng sản phẩm khi hai dòng sản phẩm nhang thảo mộc và nụ thảo mộc được chứng nhận OCOP 3 sao. Cùng năm, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi đã hỗ trợ 50% kinh phí để anh đầu tư thêm máy nghiền bột, máy trộn và máy co màng đóng gói. Sự hỗ trợ này góp phần nâng cao năng suất, cải tiến mẫu mã và đa dạng hóa sản phẩm, tạo điều kiện để cơ sở phát triển bền vững hơn.

Để giải quyết bài toán đầu ra, ngoài kênh bán hàng truyền thống, anh Tấn còn chủ động quảng bá sản phẩm qua Facebook, Zalo, TikTok và website riêng nên sản phẩm không chỉ tiêu thụ trong tỉnh mà còn được nhiều khách hàng ở các địa phương khác biết đến. Anh Tấn cho biết: “Hiện nay, cơ sở đang sản xuất các sản phẩm gồm nhang quế, nhang thảo mộc, nụ thảo mộc và nhang trầm. Sau khi trừ các khoản chi phí (nguyên liệu, nhân công,

lãi vay ngân hàng) thì lãi khoảng 10 - 15 triệu đồng/tháng”. Đây là một con số đáng mơ ước đối với một mô hình khởi nghiệp ở nông thôn.

Chị Nguyễn Thị Kiều Ngoan, nguyên Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ xóm Khánh Vân, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện (cũ), nay là xã Tịnh Khê cho biết mô hình sản xuất nhang sạch của anh Tấn không chỉ bảo tồn nét văn hóa tâm linh truyền thống mà còn giúp gia đình anh có sinh kế ổn định, tạo thêm động lực cho nhiều chị em trong Hội phụ nữ cố gắng vươn lên trong cuộc sống. Theo chị Ngoan: “Hội phụ nữ địa phương đã hỗ trợ vợ chồng anh tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi từ ngân hàng chính sách, tìm kiếm nguyên liệu thảo mộc với giá phù hợp và giới thiệu đầu ra cho các sản phẩm nhang”.

Anh Nguyễn Thùy Ninh, Trưởng thôn Khánh Lâm cũng cho biết: “Anh Tấn là tấm gương tiêu biểu về ý chí vượt khó, dù hoàn cảnh khó khăn và bị khuyết tật nhưng anh vẫn nỗ lực xây dựng cơ sở sản xuất nhang sạch ổn định, tạo việc làm cho một số lao động địa phương, nhất là những người có hoàn cảnh khó khăn. Bà con rất tin

tưởng và quý mến anh bởi sự chân thành, trách nhiệm và tinh thần sống tích cực. Qua tấm gương của anh Tấn cho thấy, chỉ cần có ý chí và niềm tin thì ai cũng có thể sống hữu ích và đóng góp cho xã hội”.

Chia sẻ về dự định tương lai, anh Tấn cho biết sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm để hướng đến OCOP 4 sao, đồng thời mong muốn mở rộng nhà xưởng và đào tạo nghề cho nhiều người khuyết tật hơn. Anh Tấn còn nhắn nhủ cho nhiều người cùng cảnh ngộ bằng thông điệp đầy ý nghĩa: “Ai cũng có khuyết điểm, nhưng nếu chúng ta kiên trì vượt qua rào cản của bản thân, thành công sẽ mỉm cười. Đừng tự ti vì khuyết tật, hãy biến đôi tay khiếm khuyết thành đôi tay tạo ra giá trị cho cộng đồng”.

Từ sự nỗ lực không ngừng nghỉ, anh Đặng Văn Tấn đã xây dựng thành công cơ sở nhang sạch OCOP 3 sao, trở thành tấm gương tiêu biểu trong lao động sản xuất tại địa phương. Câu chuyện của vợ chồng anh đã lan tỏa niềm tin rằng người khuyết tật vẫn có thể khẳng định bản thân, làm chủ cuộc sống và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH



Hội nghị Sơ kết sản xuất trồng trọt vụ Đông Xuân 2025 - 2026, triển khai kế hoạch vụ Hè Thu, vụ Mùa 2026 vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên



Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tham dự Hội nghị định hướng phát triển nông nghiệp tại các địa phương



Quảng Ngãi quyết liệt gỡ 'thẻ vàng' IUU, hướng tới nghề cá bền vững



Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải, hướng tới phát triển ngành chăn nuôi bền vững, thân thiện với môi trường



Các xã miền núi tỉnh Quảng Ngãi đẩy mạnh phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi



Nông dân các xã phía tây tỉnh Quảng Ngãi đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật canh tác cà phê thông minh hướng tới khát vọng định danh bản sắc thương hiệu

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH



Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm 2026 thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh



Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (Việt Nam) tiếp Đoàn cán bộ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ất-ta-pư (Lào) sang thăm và làm việc tại Quảng Ngãi



Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hồ Trọng Phương trồng cây tại Lễ phát động trồng cây phân tán nhân ngày Môi trường thế giới năm 2026



Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường trao thưởng cho các cá nhân, tập thể đạt Giải thưởng Bảo vệ môi trường năm 2026



Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra các mô hình phát triển kinh tế tại địa phương



Tỉnh Quảng Ngãi (Việt Nam) và Ất-ta-pư (Lào) ký kết Bản ghi nhớ hợp tác về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ động vật hoang dã giai đoạn 2026 – 2030